

Số: 1651 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 6 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Văn bản số 198/TTHĐND ngày 29/5/2008 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2007-2015, có xét đến 2020;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 324/TNMT-KS ngày 11/4/2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2007-2015, có xét đến 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

**I. Quan điểm**

1. Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD thành một ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh trong giai đoạn 2007-2015, nhằm khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh, gắn với việc sản xuất, chế biến các sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, từng bước đáp ứng nhu cầu VLXD cho thị trường nội tỉnh, cung cấp cho thị trường Lào và các tỉnh lân cận, tạo đà tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp đến 2010 đạt 35% cơ cấu GDP của tỉnh.

2. Phát triển công nghiệp thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD trong mối quan hệ hài hoà, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế liên quan như nông - lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến và các

lĩnh vực kinh tế khác. Khai thác khoáng sản phải đi đôi với bảo vệ môi trường, môi sinh và sự phát triển ổn định, bền vững của cộng đồng.

3. Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD phải dựa trên tài liệu điều tra, thăm dò khoáng sản đã có đủ mức tin cậy cũng như quy mô, chất lượng các điểm mỏ; đồng thời phải đáp ứng được nhu cầu về VLXD của từng vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh. Bên cạnh thăm dò, khai thác, chế biến quy mô công nghiệp các điểm mỏ tiềm năng lớn, nhằm cung cấp ổn định, lâu dài VLXD cho các vùng có nhu cầu lớn, quy hoạch khai thác các điểm mỏ quy mô vừa - nhỏ với sản lượng phù hợp để đáp ứng nhu cầu xây dựng dân dụng.

4. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD chỉ xác lập trên những diện tích có thể khai thác theo quy định của Luật Khoáng sản và các pháp luật khác có liên quan. Các điểm mỏ có quy mô lớn bị chôn lấp bởi các quy hoạch khác sẽ được xem xét để quy hoạch hợp lý, nhằm sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

## **II. Mục tiêu**

Xây dựng ngành công nghiệp thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD tỉnh Hà Tĩnh phát triển ở mức cao, trên cơ sở khai thác có hiệu quả tài nguyên khoáng sản và sử dụng lao động tại chỗ. Ưu tiên khai thác, chế biến các loại khoáng sản tỉnh có lợi thế và có nhu cầu lớn trên thị trường. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007-2010 là 13%/năm, giai đoạn 2011-2015 là 15%/năm.

## **III. Nội dung quy hoạch**

### **1. Tiềm năng khoáng sản làm VLXD trên địa bàn Hà Tĩnh**

Theo tài liệu hiện có và kết quả khảo sát bổ sung, trên địa bàn Hà Tĩnh hiện đã biết 158 điểm mỏ khoáng sản làm VLXD các loại (kể cả đất san lấp). Hầu hết các điểm mỏ nằm lộ thiên, dễ nhận biết chất lượng và nhiều điểm mỏ phân bố gần các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, thuận tiện cho khai thác sử dụng.

Tổng hợp tiềm năng tài nguyên khoáng sản làm VLXD xem phụ lục 1.

### **2. Phân vùng qui hoạch**

#### **2.1. Đá xây dựng**

##### **a. Về thăm dò, khai thác**

Giai đoạn 2007 - 2010 quy hoạch thăm dò, khai thác tại 25 điểm mỏ; giai đoạn sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 27 điểm mỏ.

##### **b. Về chế biến, sử dụng**

Từ nay đến 2010, các điểm mỏ đá xây dựng đã quy hoạch khai thác sẽ gắn liền với chế biến thành các sản phẩm đá xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định và yêu cầu của thị trường, đồng thời chú ý thu hồi các khối đá có độ nguyên khối lớn, màu sắc đẹp để sản xuất đá ốp lát, nâng cao giá trị sản phẩm và sử dụng vụn

đá để làm nguyên liệu sản xuất gạch terastone. Các cơ sở gia công, chế biến quy hoạch xây dựng tại khu mỏ hoặc gần kề nơi khai thác.

Trong giai đoạn sau 2010, nghiên cứu công nghệ sản xuất, gia công đá xây dựng thành nguyên liệu sản xuất vật liệu chống thấm, cách âm, cách nhiệt và các loại vật liệu mới khác.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ đá xây dựng trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 2.

## **2.2. Sét gạch ngói**

### **a. Về thăm dò, khai thác**

Giai đoạn 2007 - 2010 quy hoạch thăm dò, khai thác tại 27 điểm mỏ; giai đoạn sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 25 điểm mỏ để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy gạch tuynen.

Các điểm mỏ còn lại chưa quy hoạch khai thác, tạm đưa vào dự trữ khoáng sản.

### **b. Về chế biến**

Từ nay đến 2010, nguyên liệu khai thác từ các điểm mỏ theo quy hoạch nêu trên để sản xuất gạch ngói tại các lò tuynen hiện có (Phúc Trạch, Sơn Bình, Đức Thuận, Thuận Lộc, Phù Việt, Vĩnh Thạch, Cầu Hợ, Cẩm Quang, Cẩm Minh, Kỳ Giang...) và các lò thủ công, với công suất từ 350 - 400 triệu viên/năm; sau 2010, tiếp tục duy trì và mở rộng công suất các lò tuynen nêu trên và xây dựng thêm các nhà máy gạch tuynen ở khu vực Kỳ Trinh, Hương Đại, Sơn Diệm. Bên cạnh các sản phẩm gạch xây, cần chế biến các loại ngói màu, gạch ốp trang trí để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và nâng cao giá trị khoáng sản.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các điểm mỏ sét gạch ngói trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 3.

## **2.3. Cát, sỏi xây dựng**

Giai đoạn 2007 - 2010 quy hoạch thăm dò, khai thác tại 23 điểm mỏ; sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 23 điểm mỏ.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các điểm mỏ cát, cuội, sỏi trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 4.

## **2.4. Khoáng sản làm VLXD khác**

### **a. Đá ốp lát**

Giai đoạn 2007 - 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 03 điểm mỏ; sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 06 điểm mỏ.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các điểm mỏ đá ốp lát trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 5.

### **b. Kaolin, sét gốm**

Giai đoạn 2007 - 2010, quy hoạch thăm dò tại 02 điểm mỏ; sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 08 điểm mỏ.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các điểm mỏ kaolin, sét gồm trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 6.

#### c. Cát thủy tinh

Tỉnh Hà Tĩnh có 3 điểm mỏ cát thủy tinh mới được điều tra sơ bộ, gồm cát thủy tinh Thạch Minh, Thạch Vĩnh và Đồng Kèn. Chất lượng cát trung bình, có thể sử dụng làm nguyên liệu sản xuất kính xây dựng thông thường và các sản phẩm thủy tinh dân dụng khác.

Trong giai đoạn 2007 - 2015, quy hoạch thăm dò, khai thác điểm mỏ cát thủy tinh Thạch Minh và Thạch Vĩnh; riêng điểm mỏ Đồng Kèn nằm trong khu vực quy hoạch khu nghỉ mát, không quy hoạch thăm dò, khai thác. Nguyên liệu khai thác có thể chế biến thành các sản phẩm kính xây dựng tại Khu công nghiệp Bắc thành phố Hà Tĩnh hoặc cung cấp cho các nhà máy khác trong khu vực.

#### d. Đất san lấp

Giai đoạn 2007 - 2010 quy hoạch thăm dò, khai thác tại 10 điểm mỏ; sau năm 2010, quy hoạch thăm dò, khai thác tại 13 điểm mỏ.

Tổng hợp quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ đất san lấp trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2015 xem phụ lục 7.

### ***2.5. Quy hoạch thăm dò, khai thác theo sản lượng và thời gian***

#### *a. Giai đoạn 2007 ÷ 2010*

Tập trung khai thác tại các điểm mỏ theo quy hoạch này đã được cấp phép khai thác; đồng thời thăm dò, khai thác các điểm mỏ để cung cấp VLXD cho xây dựng các vùng đô thị và kinh tế trọng điểm của tỉnh như khu vực thành phố Hà Tĩnh, Khu kinh tế Vũng Áng, khu khai thác sắt Thạch Khê... và khai thác các điểm mỏ nằm trong diện quy hoạch phát triển các dự án khác.

#### *b. Giai đoạn 2011 ÷ 2015*

Tiếp tục duy trì khai thác tại các điểm mỏ đã được cấp phép khai thác; triển khai thăm dò, khai thác các điểm mỏ để cung cấp VLXD cho việc phát triển các khu đô thị mới, các khu kinh tế theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể của tỉnh.

### ***2.6. Quy hoạch các vùng hoạt động khoáng sản***

Theo vị trí địa lý tự nhiên của các điểm mỏ, đặc điểm phân bố dân cư và nhu cầu về VLXD của từng vùng, đồng thời dựa trên cơ sở Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng và các đơn vị hành chính tỉnh Hà Tĩnh đến 2020; quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2015, các vùng hoạt động khoáng sản được quy hoạch như sau:

#### *a. Vùng Hương Sơn - Đức Thọ*

Gồm huyện Hương Sơn và một phần huyện Đức Thọ, nằm dọc theo quốc lộ 8A và khu vực quốc lộ 8A giao nhau với đường Hồ Chí Minh. Vùng có điều kiện giao thông thuận lợi, dân số khoảng 200 ngàn người, kinh tế khá phát triển. Trong vùng đã có quy hoạch các cụm CN-TTCN Bắc Hương Sơn, Tây Sơn (Hương Sơn), Yên Trung, Thái Yên, Trường Sơn (Đức Thọ), với các ngành công nghiệp ưu tiên là chế biến khoáng sản, nông sản, làng nghề....

Trong giai đoạn 2007 - 2015, định hướng quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản vùng Hương Sơn - Đức Thọ như sau:

- Quy hoạch cụm công nghiệp thăm dò, khai thác và chế biến đá xây dựng, cát sỏi xây dựng, sét gạch ngói và đất san lấp ở khu vực phía Tây vùng (Sơn Tây, Sơn Diệm...), với sản lượng khai thác đến 2010 khoảng 200 - 250 ngàn m<sup>3</sup> đá xây dựng/năm, 200 - 300 ngàn m<sup>3</sup> cát sỏi/năm, 500 - 600 ngàn m<sup>3</sup> đất san lấp/năm. Sau 2010, tiếp tục duy trì sản lượng trên với mức tăng trưởng 10 - 12%/năm.

- Quy hoạch các xí nghiệp khai thác cát sỏi, sét, các bãi tập kết, sơ chế (rửa sét, phân loại cát, sạn, sỏi...) ở khu vực Tùng Ảnh trên cơ sở khai thác các điểm mỏ cát, sỏi đã quy hoạch.

#### *b. Vùng Hồng Lĩnh - Nghi Xuân - Can Lộc*

Vùng nằm dọc 2 bên quốc lộ 1A về phía bắc Hà Tĩnh, gồm các huyện Can Lộc, Nghi Xuân, thị xã Hồng Lĩnh và một phần huyện Lộc Hà. Vùng có điều kiện giao thông thuận lợi, kinh tế khá phát triển, dân số khoảng 300 ngàn người. Khoáng sản sét, đá xây dựng trong vùng có tiềm năng lớn, chất lượng tốt.

Trong giai đoạn 2007 - 2015, định hướng hoạt động khoáng sản trong vùng tập trung vào các loại sau:

- Quy hoạch cụm công nghiệp khai thác, chế biến đá xây dựng dọc quốc lộ 18, với sản lượng 0,6 - 0,8 triệu m<sup>3</sup> sản phẩm đá xây dựng các loại/năm.

- Quy hoạch cụm công nghiệp khai thác, chế biến đá xây dựng ở khu vực Xuân Hồng, với công suất 0,1 - 0,2 triệu m<sup>3</sup> sản phẩm đá xây dựng/năm và sản xuất xi măng.

- Quy hoạch các xí nghiệp khai thác, chế biến, sản xuất đá xây dựng ở Xuân Liên; các xí nghiệp khai thác sét gạch ngói tại Vượng Lộc - Minh Lộc; khai thác đất san lấp tại Hồng Lộc, Rú Cài...

#### *c. Vùng thành phố Hà Tĩnh và phụ cận*

Vùng nằm ở trung tâm tỉnh, gồm thành phố Hà Tĩnh, huyện Thạch Hà, Lộc Hà và phía bắc huyện Cẩm Xuyên. Đây là vùng có dân số đông nhất tỉnh, điều kiện giao thông thuận lợi, kinh tế phát triển, nhu cầu VLXD rất cao. Trong giai đoạn 2007 - 2015, hoạt động khoáng sản trong vùng được định hướng như sau:

- Quy hoạch thăm dò, khai thác các điểm mỏ và các cơ sở chế biến ở ngoại vi vùng, gồm khu vực Thạch Ngọc - Thạch Vĩnh (khai thác, chế biến sét

gạch ngói, khai thác đất san lấp); Phù Việt - Thạch Liên (sét gạch ngói), Thạch Hải - Thạch Khê (đá xây dựng, cát san lấp), Cẩm Tiến - Cẩm Quang (sét gạch ngói), Ngọc Sơn - Nam Hương (đất san lấp), với sản lượng 100 triệu viên gạch/năm và 1 - 2 triệu m<sup>3</sup> đất san lấp/năm.

#### *d. Vùng nam Cẩm Xuyên - Kỳ Anh*

Vùng nằm dọc theo quốc lộ 1A, phía nam tỉnh Hà Tĩnh, có dân số khoảng 140 ngàn người, điều kiện giao thông, kinh tế khá phát triển. Khoáng sản ưu thế trong vùng là đá xây dựng, ốp lát, sét gạch ngói, cát sỏi xây dựng. Trong giai đoạn 2007 - 2015, hoạt động khoáng sản trong vùng được định hướng như sau:

- Quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp chế biến đá xây dựng, sản xuất gạch ngói và khai thác cát san lấp ở Kỳ Trinh - Kỳ Thịnh (phía tây quốc lộ 1A); sản lượng khai thác đến 2010 khoảng 100 - 150 ngàn m<sup>3</sup> đá xây dựng/năm, 15 triệu viên gạch/năm và 0,5 - 1 triệu m<sup>3</sup> đất san lấp/năm;

- Quy hoạch cụm công nghiệp khai thác, chế biến đá xây dựng ở Núi Voi (Kỳ Phong, Kỳ Anh), sản xuất gạch Cẩm Minh, khai thác cát dọc 2 bờ sông Rác..., với sản lượng hàng năm đến 2010 khoảng 300 ngàn m<sup>3</sup> đá xây dựng, 200 ngàn m<sup>3</sup> cát sỏi xây dựng và 25 triệu viên gạch nung, nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng nội vùng và vùng kế cận.

- Quy hoạch cụm công nghiệp khai thác cát xây dựng ở Kỳ Lâm, Kỳ Lạc, Kỳ Sơn, với sản lượng 0,5 - 1 triệu m<sup>3</sup> cát sỏi/năm.

#### *e. Vùng Hương Khê*

Vùng nằm dọc đường Hồ Chí Minh, phía tây nam Hà Tĩnh, có dân số khoảng 80 ngàn người, điều kiện kinh tế, giao thông khá phát triển. Khoáng sản làm VLXD có tiềm năng trong vùng là cát, sỏi, sét gạch ngói và đá xây dựng. Trong giai đoạn 2007 - 2015, định hướng hoạt động khoáng sản trong vùng như sau:

- Quy hoạch cụm công nghiệp khai thác, chế biến đá xây dựng, sét gạch ngói dọc hành lang đường Hồ Chí Minh (đông nam Hương Khê), với công suất đến 2010 đạt 200 ngàn m<sup>3</sup> đá xây dựng và 25 triệu viên gạch/năm.

- Quy hoạch các điểm mỏ cát sỏi dọc 2 bờ sông Ngân Sâu ở khu vực Hương Thủy, Hà Linh, với sản lượng khai thác đến 2010 khoảng 300 ngàn m<sup>3</sup>/năm, nhằm đáp ứng nhu cầu cát xây dựng nội vùng và cung cấp cho thành phố Hà Tĩnh.

#### **IV. Vốn đầu tư:**

- Vốn đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá triển vọng các loại khoáng sản caolin, đá ốp lát, sét gốm do nguồn vốn Ngân sách nhà nước thực hiện.

- Vốn đầu tư cho công tác khảo sát thăm dò, khai thác, chế biến các khoáng sản làm VLXD thông thường do các doanh nghiệp tự huy động.

## **V. Các giải pháp thực hiện**

### **1. Các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý**

Tỉnh đã có chủ trương phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh thành một ngành công nghiệp quan trọng, tạo động lực thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển; sẽ tiếp tục có các giải pháp cụ thể để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động hiện đại hoá công nghệ khai thác, chế biến để nâng cao giá trị và sử dụng đúng mục đích, công dụng các loại khoáng sản.

Hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD cần được quản lý chặt chẽ theo các hướng sau:

- Đối với khoáng sản làm VLXD thông thường có lợi thế của tỉnh như đá xây dựng, cát sỏi xây dựng, sét gạch ngói: ưu tiên cho các doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến và phải gắn khâu khai thác với cải tạo, bảo vệ môi trường; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào khâu chế biến với công nghệ hiện đại, tiên tiến, đảm bảo tạo được sản phẩm chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực.

- Tiếp tục có giải pháp ưu tiên, ưu đãi như xây dựng kết cấu hạ tầng vùng có khoáng sản, hỗ trợ một phần kinh phí thăm dò..., nhằm khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư. Đồng thời không ngừng hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp và đảm bảo tính đồng bộ, thông thoáng; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Đối với các mỏ đang hoạt động, các doanh nghiệp cần chú trọng nâng cao công nghệ khai thác để thu hồi triệt để, tránh lãng phí tài nguyên khoáng sản, đồng thời cải tiến, nâng cao chất lượng gia công, chế biến để sản phẩm đạt chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu thị trường và đặc biệt chú trọng khâu bảo vệ môi trường, môi sinh. Trong quá trình khai thác cần áp dụng quy trình khai thác tiên tiến, hợp lý, chú trọng khâu an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản để xem xét, thẩm định và tham mưu cho UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản đối với các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường, các điểm mỏ đã được đánh giá, thăm dò nằm ngoài quy hoạch chung của cả nước. Các Sở, ngành chức năng và các cấp cần tăng cường công tác thanh, kiểm tra hoạt động khoáng sản và kiên quyết xử lý các trường hợp phạm trong hoạt động khoáng sản.

### **2. Giải pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản**

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD mang lại lợi nhuận khá lớn, giải quyết được nhiều việc làm, thu nhập cho người lao động, nhưng cũng có nhiều tác động đến môi trường như gây ô nhiễm không khí, nước, đất..., lâu dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống cộng đồng, vì vậy phải có các biện pháp tích cực để khắc phục.

Trước khi cấp phép thăm dò, khai thác, cần yêu cầu doanh nghiệp chứng minh khả năng tài chính và có dự án chế biến khoáng sản có công nghệ phù hợp với trình độ chung của cả nước, đảm bảo nâng cao giá trị khoáng sản. Đồng thời cần thực hiện tốt việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Khoáng sản và Luật Bảo vệ Môi trường, trong đó nêu rõ những biện pháp khắc phục, xử lý môi trường do tác động của khai thác, chế biến khoáng sản gây nên. Những khu vực môi trường dễ suy thoái, ô nhiễm, những khu vực khi khai thác khoáng sản có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư và môi trường sống cần phải có các biện pháp hữu hiệu để khắc phục.

Đối với khoáng sản chưa khai thác, cần giữ bí mật các tài liệu liên quan, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hình thức khai thác trái phép nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản.

### **3. Các giải pháp về vốn**

Để phát huy được tiềm năng của các loại khoáng sản có lợi thế trên địa bàn tỉnh, cần huy động lượng vốn khá lớn để đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến; phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh cũng như các doanh nghiệp ngoài tỉnh (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); ngoài ra cần có sự hỗ trợ của nguồn vốn Nhà nước trong công tác điều tra cơ bản.

Để có nguồn vốn cho tái đầu tư phát triển sản xuất, các doanh nghiệp cần có biện pháp tiết kiệm, tạo tích lũy, tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong ngành, các trung tâm kinh tế trong nước và một số tỉnh phụ cận để cùng góp vốn và có thể huy động vốn nhân rộng trong nhân dân để đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản.

### **4. Giải pháp về công nghệ, thiết bị và nghiên cứu khoa học**

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy trình khai thác, chế biến các khoáng sản làm VLXD, nhất là sét gạch ngói, đá xây dựng, đá ốp lát.

Đối với sét gạch ngói, tiếp tục hoàn thiện công nghệ sản xuất gạch nung công nghệ lò tuy nèn; nghiên cứu sản xuất gạch ốp trang trí, ngói lợp mỏng, ngói màu..., để tăng cao giá trị khoáng sản.

Đối với đá xây dựng, cần tiếp tục gia công đa dạng sản phẩm đá xây dựng, chú ý thu hồi những khối đá có độ nguyên khối tốt để sản xuất đá ốp lát, đồng thời liên kết với các cơ sở nghiên cứu ở Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh để phát triển các loại vật liệu mới trên cơ sở các loại khoáng sản VLXD sẵn có của tỉnh.

### **5. Giải pháp khác**

Khảo sát bổ sung, thăm dò các điểm mỏ khoáng sản phục vụ cho nhu cầu khai thác khoáng sản;

Tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề;

Từng bước hình thành thị trường VLXD (sản xuất từ khoáng sản);



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, chính quyền các cấp căn cứ quy hoạch đã được phê duyệt, tổ chức xác định các khu vực quy hoạch tại thực địa và xây dựng các chương trình liên ngành để tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP. UBND tỉnh;
- Các tổ CV;
- Lưu: VT, CN.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Kim Cự**

**Phụ lục 1. Tiềm năng tài nguyên khoáng sản làm VLXD trên địa bàn Hà Tĩnh**

T.T	Loại khoáng sản	Số điểm mỏ	Tiềm năng (ngàn m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Đá xây dựng	40	12.200.000	
2	Sét gạch ngói	39	39.786	
3	Cát sỏi xây dựng	35	12.300	
4	Kaolin, sét gốm	8	5.937	
5	Cát thủy tinh	3	2.260	
6	Đất san lấp	24	168.400	
7	Biểu hiện đá ốp lát	9		
	<b>Cộng</b>	<b>158</b>	<b>12.428.683</b>	

**Phụ lục 2. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng đá xây dựng trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015**

TT	Điểm mỏ khoáng sản	Tổng tài nguyên (tr.m <sup>3</sup> )	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch			Chế biến, sử dụng
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 -2010	TDKT sau 2010	
1	Đá vôi Chúc A	500 ng.tán	Hương Lâm, Hương Khê	500.000 tấn	KT <sub>3</sub> , ĐXD		+	Khai thác làm đá xây dựng; cung cấp cho khu vực Hương Khê
2	Đá vôi La Khê	630.250 tấn	Hương Trạch, Hương Khê	630.250 tấn	KT <sub>3</sub> , ĐXD		+	
3	Đá vôi nam La Khê	1 triệu tấn	Hương Trạch, Hương Khê	1 triệu tấn	KT <sub>6</sub> , ĐXD		+	
4	Đá vôi dolomit Phú Lễ	630.000 tấn	Hương Trạch, Hương Khê	630.000 tấn	KT <sub>3</sub> , ĐLM		+	Khai thác lấy dolomit làm trợ dung luyện kim và thu hồi đá xây dựng
5	Đá vôi dolomit Bãi Vạn	857.000 tấn	Hương Trạch, Hương Khê	857.000 tấn	KT <sub>4</sub> , ĐLM		+	
6	Đá vôi dolomit Tân Áp	46,6 triệu tấn	Giáp Quảng Bình	46,6 triệu tấn	KT <sub>7</sub> , ĐLM		+	
7	Đá XD Sơn Kim 1	62,0	Sơn Kim, Hương Sơn	10,0	TDKT <sub>81</sub> , ĐXD	+	+	Làm đá xây dựng; cung cấp cho vùng Hương Sơn
8	Đá XD Sơn Hồng	125,5	Sơn Hồng, Hương Sơn	10,0	TDKT <sub>74</sub> , ĐXD		+	
9	Đá XD bắc Sơn Tây	467,5	Sơn Tây - Sơn Hồng - Sơn Lĩnh, Hương Sơn	20,0	TDKT <sub>73</sub> , ĐXD	+	+	Đá xây dựng cho vùng Hương Sơn và phụ cận
	Đá XD núi Cây Khê					+	+	
10	- Phía tây	300,0	Sơn Diệm, Hương Sơn	20,0	TDKT <sub>82</sub> , ĐXD	+	+	Đá xây dựng cho vùng Hương Sơn và phụ cận
	- Phía đông	300,0	Sơn Hàm, Hương Sơn	10,0	TDKT <sub>83</sub> , ĐXD		+	
11	Đá XD núi Long Cao	300,0	Sơn Thủy, Hương Sơn và Đức Giang, Đức Thọ	10,0	TDKT <sub>84</sub> , ĐXD	+	+	Làm đá xây dựng, cho vùng Hương Sơn
12	Đá XD núi Yên Chu (Xuân Viên)		Xuân Viên, Cổ Đạm, Xuân Mỹ, Xuân Liên, Nghi Xuân	10,0	TDKT, ĐXD		+	Làm đá xây dựng, cho vùng Nghi Xuân
	Đá XD Hồng Lĩnh					+	+	
13	- Phía tây QL 8B	300,0	Đậu Liêu, Hồng Lĩnh	40,0	TDKT <sub>77</sub> , ĐXD	+	+	Làm đá xây dựng; cung cấp cho vùng Hồng Lĩnh và phụ cận
	- Phía bắc	100,0	Xuân Lĩnh, Nghi Xuân	30,0	TDKT <sub>76</sub> , ĐXD		+	
	Đá XD Núi Ông					+	+	
14	- Phía tây	300,0	Đậu Liêu, Hồng Lĩnh	50,0	TDKT <sub>80</sub> , ĐXD	+	+	Làm đá xây dựng; cung cấp cho vùng Hồng Lĩnh và các vùng khác
	- Phía tây nam	100,0	Vương Lộc, Thiên Lộc, Thuận Thiện, Can Lộc	50,0	TDKT <sub>79</sub> , ĐXD	+	+	

TT	Điểm mô khoáng sản	Tổng tài nguyên (tr.m <sup>3</sup> )	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch			
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 -2010	TDKT sau 2010	Chế biến, sử dụng
	- Phía đông Nam (núi Leve)	10,0	Hồng Lộc, Tân Lộc, h. Lộc Hà	10,0	TDKT <sub>80/1</sub> , ĐXD	+	+	Làm đá xây dựng cung cấp cho vùng Lộc Hà
15	Đá XD Xuân Liên	1,0	Xuân Liên, Nghi Xuân	1,0	TDKT <sub>78</sub> , ĐXD	+		Làm đá xây dựng; cung cấp cho vùng Nghi Xuân
16	Đá XD núi Nam Giới	270,0	Thạch Hải - Thạch Bàn, Thạch Hà	5,0	KT <sub>85</sub> , ĐXD	+		Đá xây dựng cho Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh và phụ cận
17	Đá XD Thạch Bàn, Thạch Đỉnh	21,5	Thạch Đỉnh - Thạch Bàn, Thạch Hà	21,5	KT <sub>86</sub> , ĐXD	+		
18	Đá XD Núi Chùa	1,0	Mỹ Lộc, Xuân Lộc, Sơn Lộc, Quang Lộc, Can Lộc	1,0	KT <sub>86/1</sub> , ĐXD	+		Đá xây dựng cho vùng Can Lộc
19	Đá XD Tuấn Thượng	650,0	Kỳ Bắc - Kỳ Phong - Kỳ Xuân, Kỳ Anh và Cẩm Lĩnh, Cẩm Xuyên	20,0	TDKT <sub>87</sub> , ĐXD		+	Đá xây dựng cho vùng nam Cẩm Xuyên - bắc Kỳ Anh và phụ cận.
20	Đá XD núi Voi	275,0	Kỳ Bắc - Kỳ Phong - Kỳ Xuân, Kỳ Anh và Cẩm Lĩnh, Cẩm Xuyên	30,0	TDKT <sub>88</sub> , ĐXD		+	Làm đá xây dựng; cung cấp cho Kỳ Anh
21	Đá XD núi Nhà Trần	138,5	Kỳ Xuân, Kỳ Anh	20,0				
22	Đá XD Cẩm Thịnh	66,0	Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên	10,0	TDKT <sub>89</sub> , ĐXD	+	+	Đá xây dựng cho vùng Cẩm Xuyên
23	Đá XD Kỳ Văn	2,0	Kỳ Văn, Kỳ Anh	2,0	KT <sub>89/1</sub> , ĐXD	+		
24	Đá XD Kỳ Tân	225,5	Kỳ Tân, Kỳ Anh	10,0	TDKT <sub>90</sub> , ĐXD	+	+	Đá xây dựng cho vùng Kỳ Anh
	Đá XD bắc núi Sim					+	+	
	- Khu vực Kỳ Hưng	50,0	Kỳ Hưng, Kỳ Anh	10,0	TDKT <sub>91</sub> , ĐXD	+		
25	- Khu vực Kỳ Trinh	50,0	Kỳ Trinh, Kỳ Anh	10,0	TDKT <sub>92</sub> , ĐXD	+		Làm đá xây dựng; cung cấp cho vùng nam Kỳ Anh, Vũng Áng
	- Khu vực Kỳ Thịnh	50,0	Kỳ Thịnh, Kỳ Anh	10,0	TDKT <sub>93</sub> , ĐXD	+		
	- Khu vực Kỳ Long	50,0	Kỳ Long, Kỳ Anh	10,0	TDKT <sub>94</sub> , ĐXD	+		
26	Đá XD bắc núi U Bò	816,0	Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Phương	53,0	TDKT <sub>95</sub> , ĐXD	+	+	
27	Laterit Đức Lập	0,84		0,8	KT <sub>112</sub> LTR			Làm đá xây nhà nội vùng

**Phụ lục 3. Quy hoạch TD, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ sét gạch ngói trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015**

Đơn vị tính tài nguyên: ngàn m<sup>3</sup>

TT	Điểm mỏ khoáng sản	Tổng tài nguyên	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch				Chế biến, sử dụng
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 -2010	TDKT sau 2010		
1	Sét GN Xuân Trường	150	Xuân Trường, Nghi Xuân	50	TDKT <sub>34</sub> ,SGN	+		Gạch, ngói thủ công, tuynen, cung cấp cho khu vực Nghi Xuân	
2	Sét GN Xuân Tường	800	Cổ Đạm, Nghi Xuân	800	TDKT <sub>35</sub> ,SGN	+	+		
3	Sét GN Sơn Bằng	2.000	Sơn Bằng, Hương Sơn	500	TDKT <sub>36</sub> ,SGN	+	+	Gạch, ngói tuynen Sơn Bằng; cung cấp cho khu vực Hương Sơn	
4	Sét GN Sơn Bình	2.400	Sơn Bình, Hương Sơn	400	TDKT <sub>37</sub> ,SGN	+	+	Gạch, ngói tuynen Sơn Bình; cung cấp cho khu vực Hương Sơn	
5	Sét GN Bùi Xá	170	Bùi Xá, Đức Thọ	50	TDKT <sub>38</sub> ,SGN		+	Gạch, ngói thủ công, tuynen; cung cấp cho khu vực Đức Thọ	
6	Sét GN Đức Thuận	3.210	P. Bắc Hồng, TX Hồng Lĩnh	200	KT <sub>39</sub> ,SGN	+			
7	Sét GN Thuận Lộc	3.210	P. Nam Hồng, TX Hồng Lĩnh	400	KT <sub>40</sub> ,SGN	+	+	GN tuynen; cung cấp cho khu vực Hồng Lĩnh	
8	Sét GN Đức Hoà	900	Đức Hoà, Đức Thọ	900	KT <sub>41</sub> ,SGN	+		Gạch tuynen cho khu vực Đức Thọ	
9	Sét GN Sơn Diệm	960	Sơn Diệm, Hương Sơn	960	TDKT <sub>42</sub> ,SGN		+	GN tuynen cho khu vực Hương Sơn	
10	Sét GN xóm 9 Đức Lâm	100	Đức Lâm, Đức Thọ	50	KT <sub>43</sub> ,SGN	+	+	Gạch thủ công cho khu vực Đức Lâm	
11	Sét GN Đức Lập	130	Đức Lập, Đức Thọ	50	KT <sub>44</sub> ,SGN	+		Gạch thủ công cho khu vực Đức Lập	
12	Sét GN Đức Lạc	100	Đức Lạc, Đức Thọ	50	KT <sub>45</sub> ,SGN	+		Gạch thủ công cho khu vực Đức Lạc	
13	Sét GN Vượng Lộc, Minh Lộc	7.851	Vượng Lộc – Minh Lộc, Can Lộc	2.000	TDKT <sub>47</sub> ,SGN	+	+	GN tuynen; cung cấp cho khu vực Hồng Lĩnh, Can Lộc	
14	Sét GN Hồng Lộc	500	Hồng Lộc, Lộc Hà	200	KT58/2.SGN	+	+	Gạch thủ công, tuynen, cung cấp Lộc Hà	
15	Sét GN An Lộc	300	Hồng Lộc, Lộc Hà	200	KT58/1.SGN	+	+	Gạch thủ công, tuynen, cung cấp Lộc Hà	
16	Sét GN Hương Đại	1.200	Hương Đại, Vũ Quang	1.200	TDKT <sub>48</sub> ,SGN	+	+	GN tuynen cho khu vực Vũ Quang	
17	Sét GN Thạch Liên	600	Thạch Liên, Thạch Hà	600	TDKT <sub>49</sub> ,SGN	+	+	Gạch tuynen; cung cấp cho khu vực Hà Tĩnh	

TT	Điểm mô khoáng sản	Tổng tài nguyên	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch			Chế biến, sử dụng
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 -2010	TDKT sau 2010	
18	Sét GN Thạch Ngọc	400	Thạch Ngọc, Thạch Hà	400	+	+	+	Gạch thủ công cho khu vực Cẩm Xuyên
19	Sét GN Thạch Điền	135	Thạch Điền, Thạch Hà	135	+	+	+	Gạch thủ công cho khu vực Thạch Lâm
20	Sét GN Thạch Lâm	100	Thạch Lâm, Thạch Hà	100	+	+	+	GN thủ công, tụy nen cho vùng Can Lộc
21	Sét GN Đồng Lộc	1.000	Đồng Lộc, Can Lộc	1.000	+	+	+	GN tụynen Cầu Hồ, Cẩm Quang; cung cáo cho khu vực Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
22	Sét GN Cẩm Bình	480	Cẩm Bình, Cẩm Xuyên	240	+	+	+	
23	Sét GN Cẩm Quang	330	Cẩm Quang, Cẩm Xuyên	330	+	+	+	
24	Sét GN Cầu Hồ	3.860	Cẩm Tiến, Cẩm Xuyên	400	+	+	+	Gạch thủ công cho khu vực Cẩm Thịnh
25	Sét GN Cẩm Thịnh	200	Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên	200	+	+	+	
26	Sét GN Cẩm Minh	1.110	Cẩm Minh, Cẩm Xuyên	600	+	+	+	GN tụynen; cung cấp cho khu vực nam Cẩm Xuyên, bắc Kỳ Anh
27	Sét GN Phú Gia	600	Phú Gia, Hương Khê	600	+	+	+	GN thủ công cho vùng bắc Hương Khê
28	Sét GN Kỳ Giang	160	Kỳ Giang, Kỳ Anh	160	+	+	+	GN tụynen cho khu vực bắc Kỳ Anh
29	Sét GN Phúc Trạch - Hương Đô	1.160	Phúc Trạch, Hương Khê	600	+	+	+	GN tụynen; cung cấp cho khu vực Hương Khê
30	Sét GN Sơn Triều	1.020	Phúc Trạch, Hương Khê	150	+	+	+	Gạch thủ công; cung cấp cho khu vực Kỳ Anh
31	Sét GN Kỳ Văn	855	Kỳ Văn, Kỳ Anh	150	+	+	+	
32	Sét GN Giáp Ngoài	350	Kỳ Tây, Kỳ Anh	113	+	+	+	Gạch tụynen cho khu vực tây Kỳ Anh
33	Sét GN Đá Gô	720	Kỳ Sơn, Kỳ Anh	720	+	+	+	
34	Sét GN Kỳ Thịnh	1.500	Kỳ Trinh- Kỳ Thịnh, Kỳ Anh	1.500	+	+	+	GN tụynen cho khu vực nam Kỳ Anh
	<b>Cộng</b>	<b>38.561</b>		<b>16.008</b>				

**Phụ lục 4. Quy hoạch TD, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ cát, cuội sỏi trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015.**

Đơn vị tính tài nguyên: ngàn m<sup>3</sup>.

TT	Điểm mỏ khoáng sản	Vị trí (xã, huyện)	Tổng tài nguyên	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch				Chế biến, sử dụng
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 - 2010	TDKT sau 2010		
1	Cát XD Xuân Liên	Xuân Liên, Nghi Xuân	200	200	TDKT <sub>8</sub> , CS	+	+	Làm cát xây cho khu vực Nghi Xuân	
2	Cát XD Sơn Châu	Sơn Châu, Hương Sơn	400	300	TDKT <sub>9</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Hồng Lĩnh - Đức Thọ - Hương Sơn	
3	Cát XD Sơn Trung	Sơn Trung, Hương Sơn	400	250	TDKT <sub>10</sub> , CS		+		
4	Cát XD Sơn Diệm	Sơn Diệm, Hương Sơn	800	400	TDKT <sub>11</sub> , CS	+	+		
5	Cát XD Kim Thành	Sơn Tây, Hương Sơn	1.600	600	TDKT <sub>12</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Hương Sơn	
6	Cát xây dựng Kim An	Sơn Kim, Hương Sơn	1.200	600	TDKT <sub>14</sub> , CS		+		
7	Cát XD Đức Hoà	Đức Hoà, Đức Thọ	600	600	TDKT <sub>13</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông cho vùng Đức Thọ	
8	Cát XD Sơn Thọ	Sơn Thọ, Vũ Quang	200	200	TDKT <sub>15</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Vũ Quang	
9	Cát XD Hương Đại	Hương Đại, Vũ Quang	200	200	TDKT <sub>16</sub> , CS		+		
10	Cát XD Hà Linh	Hà Linh, Hương Khê	400	420	TDKT <sub>17</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Hương Khê, thành phố Hà Tĩnh	
11	Cát XD Phúc Đồng	Phúc Đồng, Hương Khê	100	135	TDKT <sub>18</sub> , CS	+	+		
12	Cát XD Phương Mỹ	Phương Mỹ, Hương Khê	150	150	TDKT <sub>18/1</sub> , CS	+	+		
13	Cát XD Hoà Hải	Hoà Hải, Hương Khê	100	100	TDKT <sub>19</sub> , CS		+		
14	Cát XD Đập Đá Hàn	Hòa Hải, Hương Khê	200	220	TDKT <sub>20</sub> , CS		+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Hương Khê	
15	Cát XD Hương Thuỷ	Hương Thuỷ, H. Khê	300	300	TDKT <sub>21</sub> , CS	+	+		
16	Cát XD Gia Phó	Gia Phó, Hương Khê	100	180	TDKT <sub>22</sub> , CS		+		
17	Cát XD Cẩm Mỹ 1	Cẩm Mỹ, Cẩm Xuyên	100	100	TDKT <sub>23</sub> , CS		+		
18	Cát XD Cẩm Mỹ 2	Cẩm Mỹ, Cẩm Xuyên	200	275	TDKT <sub>24</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Cẩm Xuyên, thành phố Hà Tĩnh	
19	Cát XD Cẩm Trung	Cẩm Trung, Cẩm Xuyên	400	450	TDKT <sub>25</sub> , CS	+	+		
20	Cát XD Cẩm Lạc	Cẩm Lạc, Cẩm Xuyên	300	360	TDKT <sub>26</sub> , CS	+	+		
21	Cát XD Phúc Trạch	Phúc Trạch, Hương Khê	400	900	TDKT <sub>27</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cho vùng Hương Khê	

TT	Điểm mô khoáng sản	Vị trí (xã, huyện)	Tổng tài nguyên	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch			Chế biến, sử dụng
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007 - 2010	TDKT sau 2010	
22	Cát XD Hương Trạch	Hương Trạch, H. Khê	500	420	TDKT <sub>28</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cho vùng Hương Khê
23	Cát XD Bắc Hà	Kỳ Lâm, Kỳ Anh	150	150	TDKT <sub>29</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Kỳ Anh
24	Cát XD Kỳ Lâm	Kỳ Lâm, Kỳ Anh	100	120	TDKT <sub>30</sub> , CS	+	+	
25	Cát XD Kỳ Sơn	Kỳ Sơn, Kỳ Anh	200	180	TDKT <sub>31/1</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực tây Kỳ Anh
26	Cát XD Kỳ Lạc	Kỳ Lạc, Kỳ Anh	500	450	TDKT <sub>33</sub> , CS	+	+	
27	Cát XD Thịnh Lộc	Thịnh Lộc, Lộc Hà	500	500	TDKT <sub>32</sub> , CS	+	+	Làm cát xây, trộn bê tông; cung cấp cho khu vực Lộc Hà và phụ cận.
	<b>Cộng</b>		<b>10.300</b>	<b>8.760</b>				



**Phụ lục 5. Quy hoạch định hướng thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ đá ốp lát trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015**

TT	Điểm mỏ khoáng sản	Vị trí	Quy hoạch		Chế biến, sử dụng
			Thăm dò khai thác 2007-2010	Thăm dò Khai thác sau 2010	
1	Đá granit bắc Sơn Tây	Sơn Tây - Sơn Hồng - Sơn Lĩnh, Hương Sơn		+	Gia công, chế biến thành các sản phẩm đá ốp lát phục vụ nhu cầu nội, ngoại tỉnh và xuất khẩu
2	Đá granit Núi Cây Khé	Sơn Diêm - Sơn Tây - Sơn Hàm, Hương Sơn		+	
3	Đá gabro Yên Chu	Xuân Viên - Xuân Mỹ - Cổ Đạm - Xuân Liên, Nghi Xuân	+	+	
4	Đá granit Núi Ông	Giáp giữa 2 huyện Nghi Xuân - Can Lộc	+	+	
5	Đá granit Tuán Thượng	Kỳ Bắc - Kỳ Phong - Kỳ Xuân, Kỳ Anh và Cẩm Lĩnh, Cẩm Xuyên	+	+	
6	Đá rhyolit núi Ba Hơi	Kỳ Văn, Kỳ Anh		+	

**Phụ lục 6. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến, sử dụng các điểm mỏ kaolin, sét gồm trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015**

TT	Điểm mỏ khoáng sản	Tiềm năng (ngàn tấn)	Quy hoạch			Chế biến, sử dụng
			Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007-2010	TDKT 2007-2010	
1	Sét gồm Đức Giang	400	KT <sub>65</sub> , SG		+	Làm đồ gốm dân dụng và ngói màu, gạch trang trí
2	Sét gồm Đức Lĩnh	220	KT <sub>66</sub> , SG		+	
3	Sét gồm Đức Liên	180	KT <sub>67</sub> , SG		+	
4	Kaolin Khe Ông Thao	19	KT <sub>69</sub> , KL		+	Làm nguyên liệu sản xuất sứ gốm
5	Kaolin Hương Châu	55	KT <sub>70</sub> , KL		+	
6	Kaolin động Hương	638	TDKT <sub>71</sub> , KL	+	+	
7	Kaolin sông Rác	3.317	TDKT <sub>72</sub> , KL	+	+	
8	Kaolin khe Ao	229	KT <sub>73</sub> , KL		+	
	<b>Cộng</b>	<b>5.058</b>				

**Phụ lục 7. Quy hoạch khai thác các điểm mỏ đất san lấp (ĐSL) trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2007 – 2015.**

Đơn vị tính tài nguyên: triệu m<sup>3</sup>

TT	Điểm mỏ đất cát SL	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tổng tài nguyên	Tài nguyên quy hoạch	Ký hiệu trên bản đồ	Quy hoạch		Sử dụng
						TDKT 2007 -2010	TDKT sau 2010	
1	Đất SL Xóm Truong	Xuân An, Nghi Xuân	1,0	1,0	TDKT <sub>96</sub> ,ĐSL	+		Cung cấp cho khu vực Nghi Xuân
2	Đất SL Xuân Viên	Xuân Viên, Nghi Xuân	2,0	2,0	TDKT <sub>96</sub> ,ĐSL	+	+	
3	Đất SL Sơn Diệm	Sơn Diệm, H.Hương Sơn	10,0	10,0	TDKT <sub>97</sub> ,ĐSL		+	Cung cấp cho khu vực Hương Sơn
4	Đất SL núi Cồn Gụ	Sơn Trường, Sơn Phú, H.Hương Sơn	10,0	5,0	TDKT <sub>98</sub> ,ĐSL	+	+	
5	Đất SL núi Voi	Đức Hòa, Đức Thọ	20,0	10,0	TDKT <sub>99</sub> ,ĐSL	+	+	Cung cấp cho khu vực đô thị Đức Thọ
6	Đất SL đông Đậu Liêu	Đậu Liêu, TX Hồng Lĩnh	2,0	2,0	TDKT <sub>99</sub> ,ĐSL			
7	Đất SL rú Cài	Yên Lộc-Thanh Lộc, Can Lộc	35,0	20,0	TDKT <sub>100</sub> ,ĐSL	+	+	Cung cấp cho khu vực đô thị Hồng Lĩnh, Can Lộc và phụ cận
8	Đất SL Hồng Lộc	Hồng Lộc, Lộc Hà	25,0	25,0	TDKT <sub>101</sub> ,ĐSL	+	+	
9	Đất SL núi Chùa	Quang Lộc, Can Lộc	2,0	2,0	TDKT <sub>101/1</sub> ,ĐSL			
10	Đất SL Chuông Rõ	Thạch Tiến, Thạch Hà	3,0	3,0	TDKT <sub>101/2</sub> ,ĐSL			
11	Đất SL Thạch Ngọc	Thạch Ngọc, Thạch Hà	2,0	2,0	TDKT <sub>102</sub> ,ĐSL			
12	Đất SL Ngọc Sơn	Ngọc Sơn, Thạch Hà	25,0	25,0	TDKT <sub>103</sub> ,ĐSL	+	+	Cung cấp cho thành phố Hà Tĩnh, đô thị Thạch Hà và khu vực phụ cận
13	Đất SL Nam Hương	Nam Hương, Thạch Hà	2,0	2,0	TDKT <sub>103/1</sub> ,ĐSL			
14	Đất SL núi Choác	Cầm Hưng, Cầm Xuyên	3,0	3,0	TDKT <sub>103/2</sub> ,ĐSL			
15	Đất SL Cầm Sơn	Cầm Sơn-Cầm Lạc, Cầm Xuyên	3,0	3,0	TDKT <sub>104</sub> ,ĐSL		+	Cung cấp cho khu vực Cầm Xuyên

TT	Điểm mô đất cát SL	Vị trí quy hoạch (xã, huyện)	Tổng tài nguyên	Tài nguyên quy hoạch	Quy hoạch			
					Ký hiệu trên bản đồ	TDKT 2007-2010	TDKT sau 2010	Sử dụng
16	Đất SL Kỳ Thọ	Kỳ Thọ, Kỳ Anh	3,0	3,0	TDKT <sub>105</sub> ĐSL		+	Cung cấp cho khu vực bắc Kỳ Anh
17	Đất SL Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ, Cẩm Xuyên	2,0	2,0	TDKT <sub>106</sub> ĐSL			Cung cấp cho khu vực Cẩm Xuyên
18	Đất SL Hương Trạch	Hương Trạch, Hương Khê	3,0	3,0	TDKT <sub>107</sub> ĐSL	+	+	Cung cấp cho khu vực Hương Khê
19	Đất SL bắc núi U Bò - núi Sim	Kỳ Long-Kỳ Liên-Kỳ Phương, Kỳ Anh	2,0	2,0		+	+	
20	Cát san lấp Thạch Hải	Thạch Hải, Thạch Khê, Thạch Hà	30,0	20,0	TDKT <sub>107</sub> CSL		+	Cung cấp cho thành phố Hà Tĩnh, đô thị Thạch Hà và khu vực phụ cận
21	Cát san lấp Kỳ Phương	Kỳ Phương, Kỳ Anh	0,7	0,7				
22	Đất cát sạn sỏi san lấp khe Cụt Bạc	Kỳ Thịnh - Kỳ Trinh, Kỳ Anh	4,0	4,0	TDKT <sub>109</sub> CSL	+	+	Cung cấp cho khu vực đô thị Kỳ Anh, các KCN ở Kỳ Anh
	<b>Cộng</b>		<b>189,7</b>	<b>149,7</b>				